

# CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ CỦA VIỆT NAM

## FACTORS INFLUENCING VIETNAM'S WOOD AND WOOD PRODUCTS EXPORTS

Nguyễn Mạnh Toàn<sup>1</sup>, Hoàng Thanh Hiền<sup>2\*</sup>

<sup>1</sup>Đại học Đà Nẵng, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường Đại học FPT, Đà Nẵng Campus, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ / Corresponding author: hienht57@fe.edu.vn

(Nhận bài / Received: 11/2/2024; Sửa bài / Revised: 16/4/2024; Chấp nhận đăng / Accepted: 17/4/2024)

**Tóm tắt** - Nghiên cứu này khám phá các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam, dựa trên dữ liệu từ 2010 đến 2021 của Việt Nam và 20 đối tác thương mại. Sử dụng phương pháp định lượng và mô hình trọng lực mở rộng, phân tích tiết lộ, quy mô kinh tế đối tác, giá gỗ thế giới, sản lượng gỗ Việt Nam, khoảng cách địa lý, tỷ giá hối đoái, lạm phát, và tham gia vào các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) có ảnh hưởng đáng kể đến xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Các kết quả ước lượng cho thấy, cách thức các yếu tố này tác động đến ngành xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam, đồng thời đề xuất các khuyến nghị chính sách để hỗ trợ sự phát triển của ngành. Nghiên cứu góp phần mở rộng hiểu biết về tác động của các yếu tố kinh tế, thị trường, và chính sách đến ngành xuất khẩu quan trọng này, hướng tới việc củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam.

**Từ khóa** - Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ; giá gỗ; Hiệp định Thương mại Tự do (FTA); mô hình trọng lực mở rộng; Việt Nam

### 1. Giới thiệu

Trong hơn 20 năm qua ngành gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu của Việt Nam đã chứng kiến một sự tăng trưởng đáng kể và bền vững, củng cố vị thế của mình trên thị trường toàn cầu như một nhà sản xuất, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ hàng đầu. Quá trình này đã được đánh dấu bởi nhiều thành tựu quan trọng, phản ánh sự nỗ lực của cả chính phủ và doanh nghiệp trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường và áp dụng các nguyên tắc phát triển bền vững.

Ngành gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đã trải qua một sự tăng trưởng mạnh mẽ về cả giá trị xuất khẩu, từ 3,5 tỷ đô la Mỹ (USD) vào năm 2010 lên tới khoảng 15 tỷ USD vào năm 2021. Sự tăng trưởng này không chỉ thể hiện qua giá trị xuất khẩu mà còn qua sự mở rộng của các thị trường xuất khẩu và đa dạng hóa sản phẩm. Việt Nam đã mở rộng danh mục sản phẩm từ gỗ truyền thống sang nhiều loại sản phẩm gỗ cao cấp và có giá trị gia tăng cao, bao gồm đồ nội thất và vật liệu xây dựng từ gỗ. Bên cạnh việc củng cố vị thế ở các thị trường truyền thống như Hoa Kỳ và EU, Việt Nam cũng đã mở rộng thành công sang các thị trường mới như Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, và thậm chí là Trung Đông và châu Phi. Việt Nam đã tăng cường cam kết đối với việc quản lý rừng bền vững và chống lại việc khai thác gỗ bất hợp pháp. Việc ký kết Hiệp định Đối tác Tỉnh

**Abstract** - This study investigates the factors influencing the value of Vietnam's wood and wood products exports, utilizing quantitative methods and data from Vietnam and 20 trading partners from 2010 to 2021. Employing an augmented Gravity model and various estimation methods, the analysis reveals significant impacts of partner countries' economic size, world wood prices, Vietnam's wood output, geographical distance, exchange rate, inflation, and participation in Free Trade Agreements (FTAs) on wood and wood products exports. The estimation results show how these factors affect Vietnam's wood and wood products export sector and offer policy recommendations to support the industry's growth. This research contributes to the understanding of economic, market, and policy influences on a critical export industry, aiming to strengthen and expand Vietnam's wood and wood products export markets.

**Key words** - Wood and wood products exports; Wood prices; Free Trade Agreement (FTA); augmented Gravity model; Vietnam

nguyên (VPA) với EU là một bước tiến quan trọng, đánh dấu cam kết của Việt Nam trong việc thúc đẩy thương mại gỗ hợp pháp và bền vững. Các doanh nghiệp gỗ Việt Nam đã tích cực áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế và nhận chứng nhận bền vững, như FSC (Hội đồng Quản lý Rừng) và PEFC (Chương trình Chứng nhận Sơ kết Rừng), để cải thiện khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ là một trong những ngành công nghiệp chính đóng góp khoảng 4% vào GDP của Việt Nam trong những năm gần đây. Sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành này, đặc biệt là trong hơn hai thập kỷ qua, đã giúp tăng cường đa dạng hóa kinh tế, giảm sự phụ thuộc vào một số ít ngành xuất khẩu truyền thống khác. Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đã tạo ra hàng triệu việc làm cho người dân Việt Nam, từ công nhân trong các nhà máy sản xuất đến lao động trong lĩnh vực trồng trọt và quản lý rừng. Ngành này cũng đóng góp vào việc cải thiện đời sống và tăng thu nhập cho các hộ gia đình, nhất là ở các vùng nông thôn. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, ngành gỗ xuất khẩu của Việt Nam cũng đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm cạnh tranh quốc tế gia tăng, ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như dịch COVID-19, và suy thoái kinh tế toàn cầu. Vì vậy hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tại các thị trường chính sẽ giúp các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách

<sup>1</sup> The University of Danang, Vietnam (Nguyen Manh Toan)

<sup>2</sup> FPT University, Danang Campus, Vietnam (Hoang Thanh Hien)

có những bước đi phù hợp nhằm củng cố và tiếp tục phát triển ngành xuất khẩu mũi nhọn này.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ là một trong những chủ đề quan trọng thu hút sự quan tâm của rất nhiều nhà nghiên cứu. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố quan trọng quyết định cường độ thương mại hàng lâm sản như khoảng cách vận chuyển, quy mô kinh tế của các đối tác thương mại, mức độ phát triển và chất lượng quy định cũng như thể chế. Nghiên cứu [1], [2] đã khẳng định quy mô kinh tế, dân số và các hiệp định thương mại là những yếu tố có ảnh hưởng đến xuất khẩu gỗ. Với các dữ liệu tại các quốc gia khác nhau, các biến quan tâm khác nhau và phương pháp ước lượng khác nhau, các nghiên cứu trong lĩnh vực này đã nhấn mạnh vai trò của các yếu tố khác trong việc thúc đẩy thương mại quốc tế mặt hàng gỗ.

Yusuf và Edom [3] đã sử dụng mô hình hiệu chỉnh sai số (ECM) để đánh giá hoạt động xuất khẩu gỗ từ Nigeria trong khoảng thời gian 33 năm. Nghiên cứu cho thấy, mối quan hệ đáng kể giữa các biến số ảnh hưởng đến số lượng xuất khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ, nêu bật tầm quan trọng của số lượng xuất khẩu trước đây, tỷ lệ sản lượng gỗ trong nước-thụ và tỷ lệ giá trong nước-quốc tế trong việc hình thành động lực ngắn hạn.

Nanang [4] tập trung vào các sản phẩm gỗ xuất khẩu của Ghana, sử dụng hàm cầu xuất khẩu và mô hình hiệu chỉnh sai số để phân tích dữ liệu trong 45 năm. Nghiên cứu xác định giá cả thế giới, thu nhập của các nước nhập khẩu, tỷ giá hối đoái và những thay đổi chính sách là những yếu tố quyết định quan trọng. Điều thú vị là các biến về chính sách đã ảnh hưởng đáng kể đến việc xuất khẩu các sản phẩm gỗ khác nhau, cho thấy sự phức tạp trong phản ứng của thị trường đối với các hành động của chính phủ.

Sama và Aquilas [5] đã điều tra các yếu tố quyết định xuất khẩu gỗ ở Cameroon bằng cách sử dụng kỹ thuật bình phương tối thiểu thông thường trong hơn 35 năm. Phát hiện của họ nhấn mạnh rằng các yếu tố như khối lượng xuất khẩu gỗ tròn, tổng lực lượng lao động, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, thu nhập nước ngoài từ gỗ, tổng nợ nước ngoài, tỷ giá hối đoái và độ mở thương mại có tác động tích cực nhưng không đáng kể đến xuất khẩu gỗ ở Cameroon trong khi tỷ lệ lạm phát và tổng vốn cố định hình thành có tác động tiêu cực đến xuất khẩu gỗ của Cameroon, trong đó chỉ có tác động của tổng vốn cố định là đáng kể. Nghiên cứu cũng đã đề xuất tăng cường giá trị gia tăng và phát triển các ngành sản xuất như chiến lược để thúc đẩy xuất khẩu gỗ.

## 3. Mô hình, dữ liệu và phương pháp ước lượng

### 3.1. Mô hình

Để nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam, bài báo này sử dụng mô hình trọng lực mở rộng (augmented Gravity model), như đã được Fan và cộng sự [6] và Baier [7] giới thiệu trong các công trình của họ. Những nhà nghiên cứu này đã kết hợp việc sử dụng biến số GDP và GDP bình quân đầu người để phân tích cả ảnh hưởng của quy mô thị trường và

mức độ phát triển kinh tế đối với giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam. Dựa vào các phân tích trước đây, mô hình được thiết lập một cách tổng quát như sau:

$$EX_{ijt} = \beta_0 + \beta_1 GDP_{it} + \beta_2 Y_{it} + \beta_3 GDP_{jt} + \beta_4 Y_{jt} + \beta_5 DIS_{ijt} + \beta_6 Psw + \beta_7 OUT_{jt} + \beta_8 RER_{ijt} + \beta_9 CPI_{it} + \beta_{10} FTA_{ijt} + \varepsilon_{ijt} \quad (I)$$

Trong đó,  $i, j, t$  theo thứ tự là đại diện của quốc gia đối tác nhập khẩu gỗ của Việt Nam, và yếu tố thời gian trong dữ liệu. Biến phụ thuộc,  $EX_{ijt}$ , là giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam đến các quốc gia đối tác. Các kiểm soát,  $GDP_{it}$ ,  $GDP_{jt}$ ,  $Y_{it}$ ,  $Y_{jt}$  đại diện cho tổng sản phẩm quốc nội và thu nhập bình quân đầu người của quốc gia đối tác đầu tư và Việt Nam, với dự đoán quy mô thị trường, thu nhập của nước đối tác càng cao thì nhu cầu cho sản xuất và tiêu dùng càng nhiều cũng như khả năng đáp ứng nhu cầu từ Việt Nam cũng tăng lên. Biến,  $DIS_{ijt}$  thể hiện khoảng cách địa lý giữa quốc gia đầu tư và Việt Nam, với dự đoán khoảng cách càng xa thì chi phí đầu tư càng nhiều.  $FTA_{ijt}$  là biến giả, và có giá trị bằng 1 nếu quốc gia đối tác và Việt Nam cùng là thành viên của FTA tại năm  $t$ , và bằng 0 nếu các điều kiện trên không thỏa mãn. Biến sản lượng gỗ,  $lnOUT_{jt}$ , đại diện cho tổng sản lượng gỗ thu hoạch được trong năm. Biến tỉ giá hối đoái,  $lnRER_{ijt}$ , phản ánh tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng tiền của quốc gia đối tác. Biến giá gỗ,  $lnPsw$ , phản ánh giá gỗ trên thị trường quốc tế, ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam.

Tuy nhiên, kết quả từ kiểm định đa cộng tuyến chỉ ra  $GDP_{jt}$  và  $Y_{jt}$  là đa cộng tuyến, nên hai biến đó đã được loại khỏi mô hình để tránh vấn đề kinh tế lượng này, mô hình dùng trong nghiên cứu này sau khi lấy logarit của biến phụ thuộc và các biến kiểm soát có dạng như sau:

$$lnEX_{ijt} = \beta_0 + \beta_1 lnGDP_{it} + \beta_2 lnY_{it} + \beta_3 lnDIS_{ijt} + \beta_4 lnPsw + \beta_5 lnOUT_{jt} + \beta_6 lnRER_{ijt} + \beta_7 lnCPI_{it} + \beta_8 FTA_{ijt} + \varepsilon_{ijt} \quad (II)$$

### 3.2. Dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng số liệu hàng năm bao gồm 240 quan sát từ 20 quốc gia đối tác nhập khẩu gỗ chính của Việt Nam trong 12 năm giai đoạn 2010 – 2021. Các số liệu có đơn vị tiền tệ đều được chuyển về giá cố định năm 2015. Dữ liệu về xuất khẩu gỗ của Việt Nam đến 20 đối tác nhập khẩu chính được trích xuất từ cơ sở dữ liệu của Ngân hàng thế giới (World Bank) sau đó đưa về giá trị thực. Số liệu về GDP, GDP bình quân đầu người được lấy từ cơ sở dữ liệu của Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD). Dữ liệu về khoảng cách địa lý được trích xuất từ trang web của Time and Date AS (<http://www.timeanddate.com>). Dữ liệu về sản lượng gỗ của Việt Nam được trích xuất từ cơ sở dữ liệu của Tổng cục thống kê Việt Nam (GSO). Số liệu về giá gỗ, tỷ giá hối đoái và lạm phát ( $lnCPI_{it}$ ) của Việt Nam được thu thập từ UNCTAD. Thông tin về FTA ( $FTA_{ijt}$ ) thu thập từ Trung tâm WTO của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Bảng 1 cung cấp thông tin tổng quan về dữ liệu.

Bảng 2 trình bày các chỉ số về mối tương quan giữa

những biến được áp dụng trong mô hình phân tích. Qua hệ số tương quan được ghi nhận trong Bảng 2, có sáu cặp biến với hệ số tương quan vượt quá 0,6, điều này báo hiệu nguy cơ phát sinh tình trạng đa cộng tuyến [8]. Do đó, để khẳng định mô hình dự báo không chịu ảnh hưởng từ đa cộng tuyến, nhóm tác giả áp dụng phương pháp kiểm tra nhân tử phóng đại phương sai (VIF). Dựa trên khuyến nghị của Wooldridge [8], một hệ số VIF dưới 10 sẽ đảm bảo rằng mô hình không bị ảnh hưởng bởi đa cộng tuyến. Phần trình bày kết quả sử dụng VIF sẽ được chi tiết hóa trong mục kết quả ước lượng tiếp theo.

**Bảng 1. Thông tin các biến sử dụng**

Biến	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
lnEX	6,34	1,31	3,78	9,67
lnGDP	13,65	1,76	9,20	16,81
lnY	9,65	1,33	6,78	11,01
lnPsw	6,67	0,10	6,54	6,84
lnOUT	9,35	0,36	8,70	9,84
lnDIS	8,14	0,96	6,17	9,50
lnRER	7,03	3,24	0,37	10,27
lnCPI	4,74	0,11	4,60	5,25
FTA	0,67	0,47	0	1

Nguồn: tính toán của nhóm tác giả

Ghi chú: Các biến không phải là biến giả đều được chuyển về dạng logarit.

**Bảng 2. Ma trận tương quan giữa các biến**

	lnEX	lnGDP	lnY	lnPsw	lnOUT	lnDIS	lnRER	lnCPI	FTA
lnEX	1								
lnGDP	0,39	1							
lnY	0,08	0,52	1						
lnPsw	0,22	0,05	0,05	1					
lnOUT	0,28	0,06	0,06	0,86	1				
lnDIS	0,01	0,67	0,65	0	0	1			
lnRER	0,10	0,52	0,73	0,02	0,02	0,66	1		
lnCPI	0,06	0,12	0,41	0,51	0,63	0,27	0,33	1	
FTA	0,27	0,30	0,54	0,12	0,17	0,57	0,57	0,29	1

Nguồn: tính toán của nhóm tác giả

### 3.3. Phương pháp ước lượng

Phương pháp Bình phương nhỏ nhất dùng cho dữ liệu dạng bảng (pooled OLS) là kỹ thuật đầu tiên được sử dụng để ước tính phương trình (II) vì nó thường mang lại kết quả ước lượng hiệu quả với chiều biến động đứng. Tuy nhiên, ước lượng pooled OLS thường không tính đến hiệu ứng từ dữ liệu thời gian và dữ liệu chéo, theo Gujarati [9], điều này có thể dẫn đến các vấn đề trong phân tích kinh tế lượng như tự tương quan, tương quan chéo, và phương sai thay đổi. Vì vậy, nghiên cứu này đã tiến hành ước lượng lại phương trình (I) sử dụng Mô hình Hiệu ứng cố định (FE) và Mô hình Hiệu ứng ngẫu nhiên (RE), kết hợp với việc sử dụng sai số chuẩn robust trong phần mềm Stata để giải quyết các vấn đề trên, vì kết quả từ FE và RE được xem là ổn định hơn so với pooled OLS, theo

Wooldridge [10]. Phân tích sử dụng Hausman test cho thấy ước lượng dựa trên RE phù hợp và hiệu quả hơn so với FE, với p-value là 0,9997.

### 4. Kết quả và thảo luận

Bảng 3 trình bày kết quả ước lượng phương trình (II) sử dụng phương pháp Pooled OLS, robust, FE và RE robust lần lượt tương ứng trong các cột (1), (2) và (3).

**Bảng 3. Kết quả ước lượng hàm xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam**

	OLS robust (1) lnEX	FE (2) lnEX	RE robust (3) lnEX
lnGDP	0,546*** (10,20)	4,518*** (2,95)	0,671*** (3,36)
lnY	0,140** (2,02)	-3,332** (-1,97)	0,328 (1,19)
lnDIS	-0,459*** (-4,25)	0 (.)	-0,769** (-2,35)
lnPsw	1,369 (1,18)	1,356*** (3,06)	1,266*** (2,63)
lnOUT	1,683*** (4,36)	1,017*** (4,50)	1,158*** (3,14)
lnRER	-0,135*** (-5,44)	-0,0906 (-0,24)	-0,182 (-1,58)
lnCPI	-3,387*** (-5,51)	-1,415** (-2,00)	-0,549 (-0,35)
FTA	0,594*** (3,53)	-0,0184 (-0,15)	-0,0517 (-0,34)
Hằng số	-6,971 (-0,64)	-34,38*** (-5,15)	-15,08*** (-3,16)
Số quan sát	240	240	240
adj. R <sup>2</sup>	0,478	0,532	0,5693

Nguồn: tính toán của nhóm tác giả

Ghi chú: Sai số chuẩn trong ngoặc đơn; \*, \*\*, \*\*\* thể hiện mức ý nghĩa tương ứng với 10%, 5%, và 1%.

Kết quả ước lượng từ cả hai phương pháp pooled OLS robust và RE robust cho thấy đa số biến đều tương thích với các dự đoán của mô hình trọng lực được trình bày ở phần trước. Như đã đề cập ở mục phương pháp nghiên cứu, do mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên cung cấp kết quả ước lượng phù hợp hơn so với mô hình hiệu ứng cố định, kết quả từ mô hình RE robust sẽ được chọn để phân tích và thảo luận trong nghiên cứu này với việc so sánh kết quả từ pooled OLS. Chỉ số R<sup>2</sup> của mô hình RE robust chỉ ra rằng, các biến được nêu có khả năng giải thích được khoảng 57% sự biến động trong giá trị gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu của Việt Nam đối với 20 đối tác thương mại chính từ năm 2010 đến 2021. Kết quả ước lượng cho thấy, quy mô kinh tế của các đối tác, giá gỗ trên thị trường thế giới, sản lượng gỗ của Việt Nam và khoảng cách giữa nước ta và đối tác có tác động đáng kể đến giá trị gỗ xuất khẩu của Việt Nam trong cả hai phương pháp ước lượng. Các yếu tố khác như thu nhập bình quân đầu người tại nước đối tác, tỷ giá hối đoái, lạm phát và việc tham gia các hiệp định thương mại tự do chỉ có tác động đáng kể đối với phương pháp ước lượng OLS.

Theo như mô hình trọng lực đã phân tích, cả quy mô kinh tế (GDP) và thu nhập bình quân đầu người (Y) tại quốc gia đối tác đều ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê đến lượng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam. Cả hai yếu tố này đều tác động dương với mức độ tin cậy lên đến 99% đối với GDP trong cả hai kỹ thuật ước lượng và 95% đối với Y đối với kỹ thuật OLS. Cụ thể, một sự tăng trưởng 1% trong GDP của quốc gia đối tác có thể thúc đẩy xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam tăng từ 0,55% đến 0,67%. Nguyên nhân là do khi nền kinh tế của quốc gia đối tác phát triển, nhu cầu về nguyên liệu thô, bao gồm cả gỗ, để phục vụ cho sản xuất sẽ tăng cao. Ngoài ra, sự mở rộng của quy mô kinh tế cũng kéo theo nhu cầu tiêu dùng tăng lên, điều này thúc đẩy nhập khẩu, trong đó có nhập khẩu gỗ từ Việt Nam. Tương tự, sự tăng trưởng trong thu nhập bình quân đầu người ở quốc gia đối tác sẽ làm tăng khả năng chi tiêu của người dân, từ đó nâng cao nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, trong số đó có sản phẩm gỗ từ Việt Nam, góp phần thúc đẩy xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam.

Giá gỗ có tác động tích cực đến kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam với độ tin cậy 99 phần trăm đối với phương pháp RE robust. Cụ thể nếu giá gỗ trên thị trường thế giới tăng thêm 1 phần trăm thì sẽ làm tăng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam 1,27 phần trăm. Điều này là do khi có sự tăng giá gỗ trên thị trường quốc tế có nghĩa là mỗi đơn vị gỗ xuất khẩu từ Việt Nam có thể bán được với giá cao hơn, từ đó tăng doanh thu và giá trị xuất khẩu. Bên cạnh đó, giá gỗ tăng thường phản ánh nhu cầu cao đối với gỗ trên thị trường thế giới. Nhu cầu cao có thể do nhiều yếu tố như sự phục hồi của ngành xây dựng, thay đổi trong xu hướng tiêu dùng về đồ nội thất gỗ tự nhiên, hoặc các chính sách bảo vệ môi trường nghiêm ngặt hơn. Việt Nam, với vị thế là một trong những nước xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ hàng đầu, được hưởng lợi từ nhu cầu này.

Kết quả ước lượng của biến sản lượng gỗ của Việt Nam có tác động tích cực đến giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của nước này với độ tin cậy 99 phần trăm trong cả hai phương pháp ước lượng. Nếu sản lượng gỗ của Việt Nam tăng 1 phần trăm thì sẽ có tác động tích cực khuyến khích xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tăng từ 1,16 đến 1,69 phần trăm. Điều này là sự tăng lên về sản lượng gỗ cho phép Việt Nam cung cấp một lượng lớn hơn cho thị trường quốc tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về gỗ và sản phẩm gỗ nên trực tiếp dẫn đến sự tăng giá trị xuất khẩu. Hơn nữa, với sản lượng gỗ lớn hơn, Việt Nam có thể đa dạng hóa dòng sản phẩm của mình, từ gỗ thô đến các sản phẩm gỗ chế biến sâu. Sự đa dạng hóa này giúp mở rộng thị trường và tăng giá trị gia tăng của các sản phẩm gỗ xuất khẩu.

Theo phân tích từ biến khoảng cách và như được mô hình trọng lực dự đoán, khoảng cách giữa Việt Nam và các quốc gia đối tác ảnh hưởng tiêu cực đến kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam. Hệ số liên quan đến khoảng cách được chứng minh là có ý nghĩa với mức độ tin cậy lên tới 99 phần trăm trong cả hai phương pháp ước lượng. Theo đó, nếu khoảng cách giữa Việt Nam và quốc gia đối tác tăng 1 phần trăm sẽ dẫn đến sự giảm từ 0,46 đến

0,77 phần trăm giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam. Nguyên nhân chủ yếu là do việc tăng khoảng cách địa lý khiến cho chi phí vận chuyển cũng tăng lên, đặc biệt mặt hàng gỗ là mặt hàng có khối lượng lớn nên chi phí vận tải chiếm một phần quan trọng trong giá xuất khẩu. Việc tăng chi phí liên quan đến xuất khẩu khiến cho sản phẩm gỗ của Việt Nam kém cạnh tranh hơn tại thị trường của các quốc gia đối tác. Điều này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến giá trị xuất khẩu của gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam tới những quốc gia đó.

Kết quả ước lượng của cả biến tỷ giá và biến lạm phát của quốc gia đối tác đều có giá trị âm và có mức ý nghĩa 1 phần trăm đối với phương pháp ước lượng OLS. Khi tỷ giá và lạm phát tăng thêm 1 phần trăm sẽ làm giảm kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam từ 1,14 đến 3,39 phần trăm theo thứ tự. Biến tỷ giá được biểu đạt bằng hệ số đồng tiền quốc gia đối tác/ Việt Nam đồng nên khi hệ số này tăng lên nghĩa là Việt Nam đồng mất giá. Việc đồng tiền Việt Nam mất giá có thể làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên liệu đầu vào và các dịch vụ liên quan đến sản xuất gỗ vì nước này có nhập khẩu gỗ nguyên liệu. Chi phí cao hơn có thể ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng cạnh tranh của gỗ Việt Nam và làm các nhà sản xuất gỗ của Việt Nam không muốn mở rộng sản xuất từ các nguyên liệu ngoại nhập nên có thể tác động tiêu cực đến giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam. Tương tự lạm phát tăng tại quốc gia đối tác có nghĩa là giá cả hàng hóa và dịch vụ trong nước tăng lên, làm giảm khả năng mua của người tiêu dùng và nhu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả gỗ từ Việt Nam. Nếu lạm phát tăng quá cao, chính phủ có thể áp dụng các biện pháp kiềm chế chi tiêu hoặc tăng lãi suất, có thể làm giảm đầu tư và tiêu dùng, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu nhập khẩu gỗ từ Việt Nam.

Kết quả ước lượng cho thấy, sự tham gia vào các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) của Việt Nam và các nước đối tác có ảnh hưởng tích cực lên lượng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của nước ta. Theo đó, việc Việt Nam và các đối tác là thành viên của các FTA sẽ đẩy mạnh giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lên 0,6 phần trăm, với mức độ tin cậy là 99 phần trăm đối với phương pháp OLS. Điều này cũng góp phần xác nhận những tiên đoán trước đó rằng, việc gia nhập các FTA giúp loại bỏ hoặc giảm thiểu các rào cản thuế quan và phi thuế quan từ các quốc gia thành viên, thúc đẩy giao thương quốc tế giữa các quốc gia thuộc khu vực thương mại tự do.

**Bảng 4. Kiểm định đa cộng tuyến**

Biến	VIF	1/VIF
lnOUT	5,59	0,179046
lnPsw	3,81	0,262485
lnGDPPC	3,43	0,291885
lnDIS	2,88	0,347189
lnCPI	2,74	0,364959
lnRER	2,64	0,379103
lnGDP	2,01	0,498068
FTA	1,89	0,529907
VIF trung bình	3,12	

Bảng 4 cung cấp thông tin về kết quả kiểm tra đa cộng tuyến thông qua việc sử dụng chỉ số VIF (Nhân tử Phóng Đại Phương Sai). Dữ liệu cho thấy, mô hình nghiên cứu không chịu ảnh hưởng bởi vấn đề đa cộng tuyến, nên các kết quả ước lượng là chính xác và có thể tin cậy.

## 5. Kết luận và hàm ý chính sách

Kết quả phân tích định lượng đã cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam, bao gồm quy mô kinh tế của quốc gia đối tác, giá gỗ trên thị trường thế giới, sản lượng gỗ của Việt Nam, khoảng cách giữa Việt Nam và quốc gia đối tác, tỷ giá hối đoái, lạm phát, và việc tham gia vào các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA). Phân tích đã chỉ ra rằng những yếu tố này có tác động đáng kể đến xuất khẩu gỗ, với sự tăng trưởng kinh tế của các đối tác thương mại và giá gỗ trên thị trường quốc tế là những yếu tố quan trọng nhất đối với sự tăng trưởng của ngành xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam.

Tương tự như các nghiên cứu [1] và [2], nghiên cứu này khẳng định tác động tích cực của quy mô và trình độ phát triển kinh tế của các nước đối tác đối với xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam. Sự gia tăng GDP và GDP bình quân đầu người của các đối tác thương mại làm tăng nhu cầu về gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam, nêu bật tầm quan trọng của việc hướng tới các thị trường đang phát triển về mặt kinh tế. Bên cạnh đó, nghiên cứu này chứng thực những phát hiện từ Nanang [4], trong đó nhấn mạnh vai trò quan trọng của giá thế giới đối với động lực xuất khẩu. Phân tích cho thấy giá gỗ thế giới tăng 1% có thể khiến giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tăng 1,27%, cho thấy mức độ nhạy cảm của xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ với điều kiện thị trường toàn cầu. Tác động tích cực của việc tham gia FTA minh họa tầm quan trọng chiến lược của các hiệp định thương mại trong việc nâng cao khả năng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam. Phát hiện này mở rộng nghiên cứu của Sama và Aquilas [5], bằng cách không chỉ tập trung vào các yếu tố quyết định truyền thống mà còn nêu bật các yếu tố định hướng chính sách như các FTA có thể ảnh hưởng đáng kể đến dòng chảy thương mại.

Từ kết quả nghiên cứu có thể thấy, các chính sách cần hướng tới đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, không chỉ tập trung vào các thị trường truyền thống mà còn tập trung vào các nền kinh tế mới nổi có GDP và thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng, điều này cho thấy nhu cầu về sản phẩm gỗ đang tăng lên. Chính phủ, phối hợp với ngành gỗ, nên đầu tư vào công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực để phát triển các sản phẩm gỗ có giá trị gia tăng cao, như đồ nội thất và vật liệu xây dựng từ gỗ, nhằm tăng sức cạnh tranh và giá trị xuất khẩu. Cần ưu tiên tham gia và đàm phán tích cực trong các FTA nhằm giảm bớt rào cản thương mại và giúp sản phẩm gỗ của Việt Nam dễ tiếp cận hơn trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, việc cải thiện cơ sở hạ tầng và giảm chi phí logistics sẽ giúp giảm thiểu tác động tiêu

cực của khoảng cách địa lý đối với chi phí xuất khẩu, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh về giá cả và chất lượng trên trường thế giới.

Nghiên cứu này, mặc dù cung cấp bằng chứng thực nghiệm về xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam, nhưng cũng gặp phải một số hạn chế như sự phụ thuộc vào dữ liệu thứ cấp và khả năng thiếu sót các biến quan trọng khác. Hơn nữa, nó không chi tiết về ảnh hưởng của các yếu tố bền vững và công nghệ mới. Tương lai, nghiên cứu có thể mở rộng bằng cách bao gồm dữ liệu mới nhất, sử dụng mô hình động, và so sánh giữa các quốc gia, cũng như đánh giá tác động của việc áp dụng các tiêu chuẩn bền vững đối với hiệu suất xuất khẩu.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] J. Buongiorno, P. A. Tenny, and J. K. Gilles, "Economic and political influences on international trade of tropical logs", *Agricultural systems*, vol. 6, no. 1, pp. 53-66, 1980.
- [2] K. Kangas and A. Niskanen, "Trade in forest products between European Union and the Central and Eastern European access candidates", *Forest Policy and Economics*, vol. 5, no. 3, pp. 297-304, 2003.
- [3] A. S. Yusuf and C. Edom, "Determinants of timber exports in Nigeria: an error correction modeling approach", University Library of Munich, Germany, 2007.
- [4] D. M. Nanang, "Analysis of export demand for Ghana's timber products: A multivariate co-integration approach", *Journal of Forest Economics*, vol. 16, no. 1, pp. 47-61, 2010.
- [5] M. Sama and N. A. Aquilas, "Determinants of timber exports in Cameroon", *International Journal of Development and Economic Sustainability*, vol. 4, no. 1, pp. 21-33, 2016.
- [6] Z. Fan, R. Zhang, X. Liu, and L. Pan, "China's outward FDI efficiency along the Belt and Road: An application of stochastic frontier gravity model", *China Agricultural Economic Review*, vol. 8, no. 3, pp.455-479, 2016.
- [7] F. J. Baier, "Foreign direct investment and tax: OECD gravity modelling in a world with International Financial Institutions", *Athens Journal of Business & Economics*, vol. 6, no. 1, pp.45-71, 2020.
- [8] J. M. Wooldridge, *Introductory Econometrics: A Modern Approach*. the United States of America: South-Western Cengage Learning, 2009.
- [9] D. N. Gujarati, *Basic Econometrics*. New York: McGraw-Hill Higher Education, 2003.
- [10] J. M. Wooldridge, *Econometric Analysis of Cross Section and Panel Data*, MIT Press, 2002.

### Phụ lục. Danh sách 20 đối tác chính xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam

1	Ấn Độ	11	Hồng Kông
2	Anh	12	Indonesia
3	Bi	13	Malaysia
4	Campuchia	14	Nhật Bản
5	Canada	15	Pháp
6	CHDCND Lào	16	Philippin
7	Đức	17	Singapore
8	Hà Lan	18	Thái Lan
9	Hàn Quốc	19	Trung Quốc
10	Hoa Kỳ	20	Úc

Nguồn: tổng hợp từ dữ liệu của Ngân hàng Thế giới